

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2025/DS-PT
Ngày 31-12-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán: Bà Trần Minh Phương

Bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 19/6/2025, Tòa án nhân dân quận U (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 163/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 225/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị A; nơi cư trú: Ấp B, xã C (cũ là xã C, huyện D), tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Chính E, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp B, xã C, tỉnh Đồng Nai; bà Vũ Thị Thanh G, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 6/16/73 H, phường I, thành phố Hải Phòng và ông Đỗ Đức K, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 6/16/73 H, phường I, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/8/2025 tại Văn phòng Công chứng N); bà G có mặt, ông E, ông K vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị Thanh G: Ông Phương Hữu L - Luật sư Văn phòng luật sư M và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư

thành phố Hà Nội; địa chỉ văn phòng giao dịch: P1205A CT1 O, phường P, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường S (cũ là phường T, quận U), thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Q: Bà Bùi Thị Thuý V, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ dân phố X, phường Y, thành phố Hải Phòng và bà Khúc Ngọc A', sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 7, phường B', thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 12/12/2025 tại Văn phòng Công chứng C'); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Q: Ông Nguyễn Duy D' - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn E'; có mặt.

2. Ông Lưu Công G'; địa chỉ: Tổ dân phố H', phường S (cũ là phường T, quận U), thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lưu Thị I'; địa chỉ: Tổ dân phố H', phường S (cũ là phường T, quận U), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lưu Thị I': Bà Vũ Thị K', sinh năm 1981; địa chỉ: tổ dân phố L', phường S, thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 30/12/2024 tại Văn phòng Công chứng M'); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị K': Ông Phương Hữu L - Luật sư Văn phòng luật sư M và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ văn phòng giao dịch: P1205A CT1 O, phường P, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bà Lưu Thị N'; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường S (cũ là phường T, quận U), thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Lưu Thị N': Bà Bùi Thị Thuý V, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ dân phố X, phường Y, thành phố Hải Phòng và bà Khúc Ngọc A', sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 7, phường B', thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 26/8/2025 tại Văn phòng Công chứng O'); có mặt.

3. Ông Lưu Văn P'; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường S (cũ là phường T, quận U), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bà Lưu Thị Q'; địa chỉ: Tổ dân phố R', phường S' (cũ là phường T', quận U), thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Bà Lưu Thị U'; địa chỉ: Tổ dân phố L', phường S (cũ là phường T, quận U), thành phố Hải Phòng; có mặt.

6. Bà Lưu Thị X'; địa chỉ: Tổ dân phố R', phường S' (cũ là phường T', quận U), thành phố Hải Phòng; có mặt.

7. Bà Lưu Thị Y'; địa chỉ: Tổ dân phố A'', phường B'' (cũ là phường C'', quận D''), thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là bà Lưu Thị A; bị đơn là bà Nguyễn Thị Q, ông Lưu Công G'; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị N', bà Lưu Thị Q', bà Lưu Thị X', bà Lưu Thị U', bà Lưu Thị Y', ông Lưu Công P'.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: cụ Phạm Thị E'' và cụ Lưu Văn G'' sinh được ba người con chung, gồm: Lưu Văn H'' (chết năm 13 tuổi, không có vợ, con); Lưu Công I'', sinh năm 1946; Lưu Thị A, sinh năm 1949. Ngoài ra, cụ E'' còn có một người con riêng là Lưu Thị I', sinh năm 1958. Ngoài những người con trên, hai cụ không còn người con nào khác. Cụ E'' chết ngày 07/11/2006, cụ G'' chết ngày 08/01/1951, khi chết hai cụ không để lại di chúc.

Khi còn sống, cụ E'' có tài sản là diện tích đất thổ cư 2.615m² tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09 và diện tích đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm) 450m² tại thửa số 55, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ: xã K'', huyện L'', thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố R, phường S, thành phố Hải Phòng). Nguồn gốc các diện tích đất là tài sản riêng của cụ E''. Quá trình sử dụng đất, năm 1994, cụ E'' tặng cho ông I'' một phần diện tích tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09. Năm 2008, bà A được biết việc ông I'' đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi đó, bà A đã đến Ủy ban nhân dân xã K'' hỏi và được cung cấp thông tin tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09 cụ E'' sử dụng diện tích đất 1.200m², ông I'' sử dụng diện tích đất 1.607m². Trên diện tích đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09 có một căn nhà ba gian do cụ E'' xây dựng và một căn nhà cấp bốn do vợ chồng ông I'' xây dựng; các công trình đều nằm trên diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông I''. Mặc dù cùng chung sống trên cùng thửa đất nhưng cụ E'' và vợ chồng ông I'' ăn ở, sinh hoạt và canh tác riêng.

Sau khi cụ E'' chết, ông I'' là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất (bao gồm cả diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ E''). Năm 2018, ông I'' chết; vợ ông I'' là bà Q tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và trồng cây trên phần diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ E''. Đến nay, do các thành viên trong gia đình không thống nhất được phương thức phân chia di sản thừa kế do cụ E'' để lại nên bà A khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết:

Chia di sản thừa kế của cụ E'' là diện tích đất thổ cư 1.200m² tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09 và diện tích đất nông nghiệp 450m² tại thửa số 55, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ: xã K'', huyện L'', thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố R, phường S, thành phố Hải Phòng) theo pháp luật; chia bằng hiện vật.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, ngày 27/02/2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Vũ Thị Thanh G rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ E'' theo pháp luật đối với diện tích đất nông nghiệp 450m² tại thửa số 55, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ: xã K'', huyện L'', thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố R, phường S, thành phố Hải Phòng).

Trình bày và đề nghị của bị đơn - bà Nguyễn Thị Q: bà Q thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất và tài sản trên đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ: xã K'', huyện L'', thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố R, phường S, thành phố Hải Phòng).

Bà Q và ông I'' kết hôn khoảng năm 1966-1967, quá trình chung sống, ông bà có 07 người con chung, gồm: Lưu Thị N', sinh năm 1967; Lưu Văn P', sinh năm 1970; Lưu Thị Q', sinh năm 1973; Lưu Thị X', sinh năm 1975; Lưu Công G', sinh năm 1981; Lưu Thị U', sinh năm 1984; Lưu Thị Y', sinh năm 1987. Ông I'' chết ngày 22/6/2018, không để lại di chúc. Từ khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống cùng cụ E'' và các em tại căn nhà ba gian của các cụ. Đến năm 1976, vợ chồng bà xây một căn nhà cấp bốn ngay sát cạnh nhà cụ E'' và hai vợ chồng cùng các con sinh sống tại căn nhà đó cho đến nay.

Khoảng trước năm 1994, cụ E'' cho ông I'' diện tích đất 1.600m² trong tổng diện tích đất nêu trên. Bà xác định đây là tài sản riêng của cụ E'' và việc cụ E'' định đoạt tài sản cho ai là quyền của cụ; bà không nắm được trình tự, thủ tục phân chia được thực hiện như thế nào nhưng sau khi phân chia thì cụ E'' và ông I'' đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông I'' chết, bà cùng các con đã thống nhất tặng cho toàn bộ phần di sản của ông I'' cho bà và ngày 11/11/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L'' đã xác nhận đăng ký biến động đất đai. Năm 2023, bà tặng cho hai người con trai là ông G' diện tích đất 795m² và ông P' diện tích đất 712m²; hiện ông G', ông P' đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ E'' chết, do căn nhà ba gian của cụ đã xuống cấp nên vợ chồng bà đã phá căn nhà cũ và xây căn nhà như hiện nay để làm nhà thờ; tiền xây dựng do gia đình bà thanh toán. Phần diện tích đất là di sản do cụ E'' để lại, hiện bà đang sử dụng để trồng cây.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có quan điểm như sau: đề nghị để lại một phần diện tích đất 400m² để xây dựng nhà thờ cúng các cụ; phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi 400m² đất, bà đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật, không đề nghị xem xét công sức.

Trình bày của bị đơn - ông Lưu Công G': ông G' thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ: xã K'', huyện L'', thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố R, phường S, thành phố Hải Phòng); thống nhất với lời trình bày của bà Q về quan hệ huyết thống và nguồn gốc diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất mang tên ông I''. Quá trình sử dụng đất, cụ E'' đã bán cho bà Nguyễn Thị Phùng diện tích đất 550m² (hiện nay con gái của bà Phùng là bà Nguyễn Thị Tăng đang quản lý, sử dụng). Do đó, di sản thừa kế cụ E'' để lại còn 650m² đất, có phía bắc và nam giáp đất của ông I'', phía đông giáp đất của ông Thiệu và phía tây giáp nương. Từ khi kết hôn cho đến khi cụ E'' già yếu, bố mẹ ông là người trực tiếp chăm sóc cụ. Năm 2006, cụ E'' chết. Năm 2007, bố ông là ông I'' đã phá căn nhà cũ của các cụ để xây dựng nhà thờ cúng như hiện nay; năm 2023, mẹ ông là bà Q đã mở rộng ngõ, lợp mái tôn tại phần sân của nhà thờ. Từ khi các cụ chết, bố mẹ ông là người thực hiện nghĩa vụ thờ cúng và chăm sóc mộ phần cho các cụ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị để lại một phần diện tích đất 100m² để xây dựng nhà thờ cúng các cụ; phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích đất xây nhà thờ, ông đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lưu Thị N', ông Lưu Văn P', bà Lưu Thị Q', bà Lưu Thị X', bà Lưu Thị U', bà Lưu Thị Y': các ông, bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ: xã K'', huyện L'', thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố R, phường S, thành phố Hải Phòng); thống nhất với lời trình bày của bà Q về quan hệ huyết thống và nguồn gốc diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông I''. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các ông, bà đề nghị để lại một phần diện tích đất 100m² để xây dựng nhà thờ cúng các cụ; phần diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích đất xây nhà thờ, đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản thừa kế các ông, bà được chia, đề nghị tạm giao cho bà Q quản lý, sử dụng.

Ông P' trình bày thêm: năm 2002, sau khi ông I'' chết, bà Q cùng các con đã họp gia đình và thống nhất tặng cho phần diện tích đất này cho bà Q. Năm 2023, bà Q đã tặng cho ông P' diện tích đất 712m² tại thửa số 843, tờ bản đồ số 72-2023; tặng cho ông G' diện tích đất 795m² tại thửa số 842, tờ bản đồ số 72-2023; ông P', ông G' đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L'' cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/7/2023.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lưu Thị I' và người đại diện hợp pháp của bà I': bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ: xã K'', huyện L'', thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố R, phường S, thành phố Hải Phòng). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; chia bằng hiện vật.

* Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 19/6/2025, Tòa án nhân dân quận U (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2-Hải Phòng) đã căn cứ vào Điều 92, khoản 1 Điều 146, Điều 147; các điều 610, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị A với yêu cầu chia di sản của cụ Phạm Thị E''. Xác định khối di sản của cụ Phạm Thị E'' là 876.7m² đất tại thửa số đất số 270, tờ bản đồ số 9 xã K'', huyện An có các mốc 1, 2, 11, 21, 10, 9, 8, 20, 19, 18, 17, 16, 15, 14, 13, 12, 24, 1 trên sơ đồ kèm theo bản án.

- Xác lập lối ngõ đi chung tại thửa số đất số 270, tờ bản đồ số 9 xã K'', huyện L'' phía giáp đất của anh Lưu Công G' có chiều rộng 2,5m, chiều ngang hết đất có diện tích là 124,4m² có các mốc 1, 2, 11, 21, 24, 1 trên sơ đồ kèm theo bản án.

- Diện tích đất còn lại tại thửa số đất số 270, tờ bản đồ số 9, phường T, quận U, thành phố Hải Phòng sau khi trừ đi diện tích mở ngõ là 752,3m²; chia cụ thể như sau:

+ Chia, giao cho bà Lưu Thị A quản lý sử dụng diện tích 250m² có các mốc 12, 13, 14, 15, 16, 23, 24, 12 trên sơ đồ kèm theo bản án.

+ Chia, giao cho bà Lưu Thị I' quản lý sử dụng diện tích 250m² có các mốc 16, 17, 22, 23, 16 trên sơ đồ kèm theo bản án.

+ Chia, giao cho bà Nguyễn Thị Q, chị Lưu Thị N', anh Lưu Văn P', chị Lưu Thị Q', chị Lưu Thị X', anh Lưu Công G', chị Lưu Thị U', chị Lưu Thị Y' quản lý, sử dụng chung diện tích 252,3m² (chia ra làm tròn phần mỗi người được hưởng 31,53m²).

Các bên không phải thanh toán trị giá chênh lệch về di sản cho nhau. Bà Nguyễn Thị Q, anh Lưu Văn P', anh Lưu Công G' có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển cây cối và các tài sản khác trên đất được chia, giao cho bà Lưu Thị A và bà Lưu Thị I'. Các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quy định của pháp luật về đất đai (có sơ đồ phân chia đất kèm theo bản án).

2. Diện tích 100m² ghi là ngõ đi chung được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Lưu Công G' ngày 17/7/2023 đối với thửa số đất số 842, tờ bản đồ 72-2023 với ghi chú thửa số đất được tách từ thửa số 270, tờ bản đồ 09 và ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Lưu Văn P' ngày 17/7/2023 đối với thửa số đất số 843, tờ bản đồ 72-2023 với ghi chú thửa số đất được tách từ thửa số 270, tờ bản đồ 09 được sử dụng làm ngõ đi vào di sản của cụ Phạm Thị E'' đã được phân chia.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự: đình chỉ yêu cầu chia thừa kế di sản 405m² đất trồng cây hàng năm tại thửa số 55 - tờ bản đồ số 14 phường T, quận U do bà Lưu Thị A rút.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 03/7/2025, nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm do: bản án nhận định diện tích đất là di sản thừa kế có thay đổi về số liệu do quá trình đo đạc, số hoá; nếu giảm thì phải giảm toàn bộ thửa đất số 270, tờ bản đồ 09 không chỉ giảm ở phần diện tích đất của cụ E'' nên bà A đề nghị tính giảm theo tỷ lệ để đảm bảo sự công bằng cho các đương sự.

Ngày 03/7/2025 và ngày 03/9/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị N', bà Lưu Thị Q', bà Lưu Thị X', bà Lưu Thị U', bà Lưu Thị Y' kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm: đề nghị ghi nhận công sức quản lý, tôn tạo và giao cho bà Q được quyền sử dụng 400m² đất trong tổng diện tích đất di sản để thờ cúng, phần diện tích đất còn lại đề nghị chia đều cho các đồng thừa kế, đề nghị chia cho gia đình bà Q phần diện tích đất giáp ao để tiện sử dụng; đối với những tài sản (cây trồng) trên diện tích đất tranh chấp, đề nghị thanh toán cho bà Q bằng giá trị theo kết luận định giá tài sản ngày 12/3/2024.

Ngày 03/7/2025, bị đơn là ông Lưu Công G'; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Công P' kháng cáo toàn bộ bản án. Ngày 09/7/2025, ông Lưu Công G' có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 10/7/2025, ông Lưu Công P' có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại tòa án cấp sơ thẩm. Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định diện tích giảm khi số hoá của thửa số 270 tại phần di sản của cụ E'' là chưa chính xác; cần tính toán lại theo tỷ lệ để xác định diện tích giảm đối với ba thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ E'', ông G', ông P'. Sau khi tính toán và trừ đi phần ngõ đi chung 124,4m², diện tích còn lại chia thành 3 suất thừa kế, mỗi suất 338,8m². Do diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông I'' lớn hơn diện tích được sử dụng và cấp sang phần diện tích đất của cụ E'' nên sau khi trừ đi suất thừa kế bà A, bà I' được hưởng, những người thừa kế của ông I'' được hưởng 77,2m². Bà A, bà I' có có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên phần diện tích đất được chia cho bà Q theo kết luận định giá tài sản. Đối với yêu cầu tính công sức cho bà Q, do tại giai đoạn sơ thẩm, bà Q không yêu cầu nên không có căn cứ xem xét kháng cáo về nội dung này. Do

vậy, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận U (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo và kháng cáo trong thời hạn luật định, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Ngày 09/7/2025, ông Lưu Công G' có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 10/7/2025, ông Lưu Công P' có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy, trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lưu Công G', ông Lưu Công P' theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc thu thập tài liệu, chứng cứ: tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án đã yêu cầu Ủy ban nhân dân phường S, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai An Dương cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến diện tích đất tranh chấp. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Q đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác định chính xác diện tích thực tế của thửa đất đang tranh chấp, phần diện tích ao và chi phí san lấp ao. Hồ sơ vụ án đã có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, có sơ đồ hiện trạng đối với toàn bộ diện tích đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09; có tài liệu xác định các hộ giáp ranh không có tranh chấp. Do đó, không cần thiết tạm ngừng phiên tòa như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Q.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lưu Thị A, bà Lưu Thị I' vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt; ông Lưu Văn P' đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt những người trên.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn về diện tích đất thực tế của di sản thừa kế

[5.1] Về nguồn gốc diện tích đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09: theo sổ mục kê lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường lập năm 1988 thể hiện: thửa số 270, tờ bản đồ 09 đứng tên chủ sử dụng Phạm Thị E'' ghi diện tích 1.200m², Lưu Công I'' ghi diện tích 1.415m². Theo sổ địa chính lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường lập năm 1988 thể hiện: thửa số 270 + 271b ghi chủ sử dụng đất ông Lưu Công I'' diện tích 1.607m², thửa số 270 ghi chủ sử dụng đất Phạm Thị E'' diện tích 1.200m²; theo hồ sơ địa chính do địa phương quản lý thể hiện theo bản đồ giải thửa số lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường lập năm 1994 thể hiện: thửa số 270, tờ bản đồ 09

có diện tích 2.615m^2 , gồm hai hộ gia đình: hộ cụ Phạm Thị E'' ghi diện tích 1.200m^2 , hộ ông Lưu Công I'' ghi diện tích 1.607m^2 .

[5.2] Cùng ngày 04/10/1994, Ủy ban nhân dân huyện An Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0253148, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01112 với diện tích đất 1.200m^2 tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09 cho cụ E'' đã được và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0253147, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01111, diện tích đất là 1.607m^2 tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09 cho ông I''. Ngày 22/6/2018, ông I'' chết, không để lại di chúc. Ngày 29/8/2022, vợ con của ông I'' đã lập văn bản khai nhận thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó: bà Q được sử dụng diện tích đất 1.607m^2 tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09; được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L'' xác nhận biến động ngày 11/11/2022. Sau khi được quyền sử dụng đất, bà Q đã tặng cho diện tích đất cho các con là ông G', ông P'. Ngày 17/7/2023, ông G' được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 383385, vào sổ cấp GCN: CN01358 với diện tích đất 795m^2 tại thửa số 842, tờ bản đồ số 72-2023; ông P' được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 383384, vào sổ cấp GCN: CN01359 với diện tích đất 712m^2 tại thửa số 843, tờ bản đồ số 72-2023. Như vậy, căn cứ hồ sơ địa chính xác định cụ E'' quản lý, sử dụng diện tích đất 1.200m^2 tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09; ông I'' quản lý, sử dụng diện tích đất 1.415m^2 tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09.

[5.3] Theo thông tin do Ủy ban nhân dân phường S cung cấp thể hiện vị trí diện tích đất cụ E'' quản lý, sử dụng có các cạnh giáp ranh: phía Bắc giáp đất nông nghiệp, phía Nam giáp hộ ông I'', phía Đông giáp hộ ông I'' và ông Phạm Tiến Thiệu, phía Tây giáp hành lang nương thủy lợi. Hiện địa phương không nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về ranh giới, mốc giới giữa diện tích đất này với các hộ giáp ranh. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: hiện trạng diện tích đất di sản là ao và vườn trồng cây. Số liệu các diện tích đất cụ thể: diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận tại thửa số 842 là 795m^2 ; diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận tại thửa số 843 là 712m^2 ; ngõ đi chung của hai thửa 842, 843 là 100m^2 ; tổng diện tích ao và vườn trồng cây là $1.197,5\text{m}^2$. Theo số liệu số hoá chi tiết theo bản đồ giải thửa năm 1993 của Ủy ban nhân dân xã K'' thể hiện thửa 270, tờ bản đồ số 09 có tổng diện tích $2.486,2\text{m}^2$, trong đó: thửa 842 có diện tích 795m^2 ; thửa 843 có diện tích 712m^2 ; ngõ đi chung của hai thửa 842, 843 có diện tích 100m^2 ; diện tích còn lại của thửa số 270 là $879,2\text{m}^2$. Không có việc cụ E'' chuyển nhượng diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Phùng như bị đơn là ông Lưu Công G' trình bày.

[5.4] Từ những phân tích trên, căn cứ kết quả đo đạc thực tế và số hoá chi tiết theo bản đồ giải thửa năm 1993 của Ủy ban nhân dân xã K'', tổng diện tích đất tại thửa số 270, tờ bản đồ số 09 là $2.486,2\text{m}^2$. Tuy nhiên, trong vụ án này, các đương sự không có yêu cầu xem xét, giải quyết đối với phần diện tích đất và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông I'', đăng ký biến động sang tên cho bà Q và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông G', ông P'. Ngoài ra, tại

phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đồng ý phân chia di sản thừa kế theo diện tích đất hiện trạng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đối với phần diện tích đất theo hiện trạng phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Nay, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại là không có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo về nội dung này.

[6] Xét kháng cáo của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu ghi nhận công sức của bà Q: quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trong vụ án thống nhất về quan hệ huyết thống và xác định cụ G'', cụ E'' có ba người con chung là ông I'', bà A, ông Lý (chết khi 13 tuổi, không có vợ con); cụ E'' có một người con riêng là bà I'. Do cụ G'' và bố mẹ của cụ E'', cụ G'' đã chết trước cụ E'' và cụ E'' chết không để lại di chúc nên người thừa kế theo pháp luật của cụ E'' gồm: ông I'', bà A và bà I' theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ. Sau khi cụ E'' chết ngày 07/11/2006, ông I'' là người thừa kế theo pháp luật của cụ E'' cùng vợ là bà Q đã trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất là di sản cho đến nay. Quá trình quản lý, sử dụng đất vợ chồng ông I'', bà Q đã có công sức giữ gìn, bảo quản diện tích đất, tuy nhiên thực tế vợ chồng bà Q thực hiện việc canh tác - trồng cây trên đất cho đến nay và đã được hưởng hoa lợi. Tại giai đoạn sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà N', ông P', bà Q', bà X', bà U', bà Y' và bà Q trình bày không đề nghị xét chia công sức, đây là quyền quyết định và định đoạt của đương sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Q kháng cáo với lý do không hiểu biết pháp luật dẫn đến việc không yêu cầu Tòa án ghi nhận công sức là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu thanh toán giá trị cây trồng trên đất đối với phần di sản thừa kế mà các đồng thừa kế được phân chia: quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trong vụ án xác định cây trồng trên diện tích đất tranh chấp là của bà Q và đồng ý với kết luận định giá do Hội đồng định giá xác định. Xét thấy, các cây trồng trên đất có thể di dời nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Q.

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải san lấp ao để trả lại mặt bằng cho các đồng thừa kế đối với phần diện tích đất mà họ được nhận: quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện trạng diện tích đất từ trước cụ E'' quản lý, sử dụng như thế nào hoặc gia đình bà Q là người đào đất thổ cư của cụ E'' để tạo thành ao như hiện trạng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này.

[9] Về việc phân chia di sản thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế phù hợp, đảm bảo cho bị đơn được sử dụng diện tích

đặt thuận tiện cho việc đi lại.

[10] Từ các phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 19/6/2025, Tòa án nhân dân quận U (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng).

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[11.1] Bà Lưu Thị A, bà Nguyễn Thị Q là người cao tuổi, đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm - khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11.2] Tại Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 19/2025/TB-TA ngày 07/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng yêu cầu những người kháng cáo là các ông, bà Lưu Thị N', Lưu Thị Q', Lưu Thị X', Lưu Thị U', Lưu Thị Y', Lưu Công G', Lưu Công P' mỗi người phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng/ người. Vào các ngày 09/7/2025 và 10/7/2025, các ông Lưu Công G', Lưu Công P' có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo và chưa nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, tại Biên lai thu tiền số 0010969 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng thể hiện: người nộp tiền Lưu Thị N', Lưu Thị Q', Lưu Thị X', Lưu Thị Xuân, Lưu Thị Y' và số tiền đã nộp là 2.100.000 đồng. Do đó, cần trả lại số tiền tạm ứng đã nộp thừa theo biên lai trên cho bà Lưu Thị N'.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn - ông Lưu Công G'; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lưu Công P'.

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Lưu Thị A; bị đơn là bà Nguyễn Thị Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị N', bà Lưu Thị Q', bà Lưu Thị X', bà Lưu Thị U', bà Lưu Thị Y'. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 19/6/2025, Tòa án nhân dân quận U (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lưu Thị A, bà Nguyễn Thị Q được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Lưu Thị N', bà Lưu Thị Q', bà Lưu Thị X', bà Lưu Thị U', bà Lưu Thị Y' mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 2.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp chung theo Biên lai thu tiền số 0010969 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; các bà Lưu Thị N', Lưu Thị Q', Lưu Thị X', Lưu Thị U', Lưu Thị Y' đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Lưu Thị N' số tiền 600.000 đồng - số tiền còn lại theo Biên lai thu tiền số 0010969 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 2- Hải Phòng;
- THADS;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn